

# LUẬN A TỶ ĐẠT MA CÂU XÁ

## QUYỂN 18

### Phẩm 4: **PHÂN BIỆT NGHIỆP** (PHẦN 6)

Ở phần trước đã nói đến ba thứ chướng nặng. Nay nói đến năm thứ vô gián tức là thể của nghiệp chướng. Vậy thể của năm thứ nghiệp vô gián này ra sao?

Tụng nói: (Âm Hán)

*Thử ngũ vô gián trung  
Tứ thân nhất ngữ nghiệp  
Tam sát nhất cuống ngữ  
Nhất sát sinh gia hạnh.*

Dịch nghĩa :

*Trong năm vô gián này  
Bốn nghiệp thân, một miệng  
Ba sát, một nói dối  
Một gia hạnh sát sinh.*

(Trong năm tội vô gián này có bốn tội thuộc nghiệp thân, một tội thuộc nghiệp miệng. Ba nghiệp thuộc sát sinh, một thuộc nói dối và một thuộc gia hạnh sát sinh).

**Luận:** Trong năm tội vô gián, có bốn tội thuộc về sự tạo tác của thân, một tội thuộc về sự tạo tác của miệng. Ba thứ thuộc về sát sinh, một thứ thuộc về nói dối tức căn bản nghiệp đạo, một thứ sát sinh thuộc gia hạnh nghiệp đạo, vì đối với thân của Như Lai thì không thể hại được. Tội vô gián phá Tăng là thuộc về nghiệp nói dối. Đã là nói dối thì duyên gì gọi là phá Tăng? Dựa vào việc thọ quả báo mà gọi hoặc việc có thể phá? Và như vậy, thể của phá Tăng là sao? Ai có thể phá Tăng thành tự?

Tụng nói: (Âm Hán)

*Phá tăng bất hòa hợp*

*Tâm bất tương ưng hành  
Vô phú vô ký tánh  
Sở phá Tăng sở thành.*

Dịch nghĩa:

*Làm Tăng không hòa hợp  
Tâm bất tương ưng hành  
Tánh vô phú vô ký  
Thành tựu sự phá Tăng.*

(Việc phá hòa hợp tăng thuộc tâm bất tương ưng hành, tính của nó là vô phú vô ký. Nhưng thành tựu sự phá tăng là di nói dối).

**Luận:** Thể của Tăng bị phá tức là không có tánh hòa hợp. Tâm vô phú vô ký bất tương ưng hành thuộc về hành uẩn, thì đâu có thành tội vô gián. Như vậy, phá Tăng là nhân ở sự nói dối mà sinh ra. Cho nên, nói phá Tăng thì quả là vô gián chứ chẳng phải người phá Tăng thành tựu sự phá Tăng này. Tuy nhiên, việc phá hòa hợp Tăng chúng thành tựu thì người phá Tăng này thành cái gì và quả phá Tăng dị thực ở đâu và bao lâu?

Tụng đáp: (Âm Hán)

*Năng phá giả duy thành  
Thứ hư cưỡng ngữ tội  
Vô gián nhất kiếp thực  
Tùy tội tăng khổ tăng.*

Dịch nghĩa:

*Người năng phá chỉ thành  
Tội hay nói dối này  
Một kiếp quả vô gián  
Tùy tội tăng khổ tăng.*

(Người phá hòa hợp tăng chỉ thành tội là do nói dối. Chịu một kiếp quả vô gián, sự chịu khổ gia tăng là do tội tăng.)

**Luận:** Người phá Tăng thì phạm tội phá Tăng. Tội phá Tăng này lấy sự nói dối làm tánh, tức nó hàm chứa ngữ nghiệp biểu và vô biểu. Tội này sẽ đọa vào địa ngục vô gián trải qua một kiếp chịu khổ rất nặng. Tội nghịch khác chưa hẳn là sinh vào địa ngục vô gián. Nếu tạo ra nhiều tội nghịch thì dị thực ở đời kế tiếp đồng chiêm cảm quả báo nhiều nghịch trong một đời thế nào? Tùy tội kia tăng nên khổ báo cũng tăng theo. Điều này có nghĩa là do phạm nhiều tội nghịch nên phải đọa vào đại địa ngục với thân thể mềm yếu và chịu đủ thứ khổ sở. Như vậy, có thể nhận chịu nỗi khổ nặng nề gấp hai đến gấp năm lần. Vậy, ai ở

chỗ nào có thể phá ai? Và phá Tăng vào lúc nào? Trải qua thời gian bao lâu?

Tụng đáp: (Âm Hán)

*Bí số kiến tịnh hạnh  
Phá di xứ ngu phu  
Nhãn dị sư đạo thời  
Danh phá bất kinh tức.*

Dịch nghĩa:

*Tỳ-kheo thấy tịnh hạnh  
Người ngu phá chỗ khác  
Khi nhận đạo sư khác  
Gọi phá không qua đêm.*

(Tỳ-kheo do kiến chấp tịnh hạnh mà phá Tăng còn người ngu là phá chỗ khác. Khi nhận thầy khác đạo là ngay thời điểm đó đã gọi là phạm rồi chứ không đợi qua hôm sau.)

**Luận:** Người có khả năng phá Tăng chủ yếu là bậc đại Tỳ-kheo chứ chẳng phải là kẻ tại gia hay Tỳ-kheo ni v.v... Người này cũng là kẻ kiến hành chứ chẳng phải người ái hành. Cũng là người an trú tịnh hạnh chứ chẳng phải kẻ phạm giới, vì người phạm giới thì lời nói không có giá trị. Hơn nữa, chủ yếu là ở xứ khác phá Tăng chứ không phải đối trước bậc đạo sư của mình, vì đối với các Đức Như Lai, không thể khinh dễ mà lời nói phải cung kính không bao giờ đối trá. Phá Tăng tức chỉ phá được hạng phạm phu Tăng chứ chẳng thể phá được bậc Thánh nhân, vì các Thánh giả đã chứng đạt được pháp tánh. Do vậy, có thuyết nói: Người đã chứng được pháp nhãn cũng không thể phá, tức bao hàm hai nghĩa ấy mà nói. Kẻ ngu si nói: Phá Tăng chủ yếu phá vị thầy khác chứ không phải Phật. Thầy khác tức nói có Thánh đạo khác với Phật. Cho nên nói phá Tăng tại thời điểm như vậy.

Đêm này tức nhất định không trải qua đêm khác. Như vậy, gọi là phá pháp luân Tăng, gây chướng ngại cho sự luân chuyển của Thánh đạo và phá hoại sự hòa hợp của Tăng.

Ở nơi nào và bao nhiêu người có thể phá pháp luân Tăng và phá Yết-ma Tăng?

Tụng đáp: (Âm Hán)

*Thiệm Bộ Châu cửu đẳng  
Phương phá pháp luân tăng  
Duy phá yết ma tăng,  
Thông tam châu bát đẳng.*

Dịch nghĩa:

*Thiệm bộ châu, chín người v.v...  
Mới phá pháp luân Tăng  
Còn phá Yết-ma Tăng  
Thông ba châu, tám người v.v...*

(Ở châu Thiệm-bộ tối thiểu người mới phá được pháp luân tăng. Còn phá Yết-ma tăng thì chỉ còn tám người và cả ba châu đều có thể phá được).

**Luận:** Chỉ có người ở châu Thiệm bộ và tối thiểu chín người hoặc nhiều hơn mới có thể phá pháp luân Tăng chứ chẳng phải người ở châu khác nơi không có Phật. Chỉ nơi có Đức Thế Tôn thị hiện mới có kẻ “dị sử”.

Các Tỳ-kheo bao gồm tám người phân làm hai chúng thuộc về “đối tượng phá” và người “chủ thể phá” là thứ chín. Cho nên, phá pháp luân Tăng tối thiểu phải đủ chín người. Còn tối đa thì bao nhiêu người cũng được. Nếu chỉ phá yết-ma Tăng thì người ở trong cả ba châu đều thực hiện được nhưng tối thiểu phải là tám người và tối đa thì bao nhiêu người cũng được chứ không có hạn định. Người sống trong cả ba châu nghĩa là nơi đó phải có Thánh giáo. Và chủ yếu trong một trú xứ Tăng phân làm hai bộ riêng làm yết-ma đồng thời phải đủ tám người trở lên.

Khi nào thì không thể phá pháp luân Tăng?

Tụng đáp: (Âm Hán)

*Sơ hậu quýnh song tiền  
Phật diệt vị kết giới  
Ư như thị lục vi  
Vô phá pháp luân Tăng.*

Dịch nghĩa:

*Đầu, sau, trước chia rẽ  
Phật diệt, chưa kết giới  
Với sáu vị như vậy  
Không phá “pháp luân Tăng”.*

(Lúc đầu mới chuyển pháp luân, sau khi sắp nhập Niết bàn, lúc Phật nhập diệt, khi chưa kết giới, trong sáu thời điểm như vậy không có sự phá pháp luân Tăng.)

**Luận:** Lúc đầu, nghĩa là lúc Đức Thế Tôn chuyển pháp luân không lâu. Sau, nghĩa là lúc bậc Thiện Thệ sắp nhập Niết-bàn. Trong hai thời gian này, Tăng đều đồng một vị. Đối với Thánh giới và chánh

kiến khi sự phân chia chưa khởi lên, do sự chia rẽ phát sinh nên mới có thể phá Tăng. Khi đôi chử, quán chưa lập thì pháp vẫn còn nguyên vẹn. Sau khi Phật diệt độ, do vắng bóng bậc Đạo sư nên trong Tăng chúng xảy ra sự đối nghịch. Khi chưa kết giới, không có chuyện trong một trú xứ phân làm hai bộ Tăng. Trong sáu thời điểm này không hề nảy sinh việc phá “pháp luân Tăng”. Việc phá “pháp luân Tăng” không phải tất cả các Đức Phật đều có mà do nương vào túc nghiệp (nghiệp đời trước) nên mới có việc này. Như vậy, chỉ căn cứ vào luận mà nói về duyên nghịch.

Tụng nói: (Âm Hán)

*Khí hoại ân đức điền  
Chuyển hình diệc thành nghịch  
Mẫu vi nhân bỉ thuyết  
Ngộ đặng vô hoặc hữu  
Đả tâm xuất Phật huyết  
Hại hậu vô học vô.*

Dịch nghĩa:

*Hủy hoại ruộng ân đức  
Chuyển hình cũng thành nghịch  
Mẹ là nhân huyết kia  
Ngộ nhận v.v... không hoặc có  
Cố làm Phật chảy máu  
Sau hại Vô học không.*

(Hủy hoại ruộng ân đức, chuyển hình đều là nghịch vì mẹ là nhân quả của máu huyết kia. Nhận lầm không hoặc có, cố ý làm Phật chảy máu, sau hại Vô học không).

**Luận:** Do duyên gì sát hại mẹ v.v... trở thành tội vô gián? Do loại bỏ ruộng ân, hủy hoại ruộng đức. Nghĩa là nếu giết cha mẹ thì đã loại bỏ ruộng ân đức. Cố sao có ân? Vì là căn bản cho sinh thân. Cố sao loại bỏ ân đó? Xả bỏ ruộng đức kia tức là diệt chủng tử A-la-hán. Vì sao? Vì bậc A-la-hán v.v... đều đầy đủ các đức thù thắng và có thể sinh phước. Do vậy, nếu hủy hoại chỗ nương tựa của ân đức thì trở thành tội nghịch. Nếu giết thân thể của cha mẹ thì thành tội nghịch chăng? Và tội nghịch sẽ được thiết lập. Do nương tựa vào một tội đó nên có nghĩa như vậy. Lại có người hỏi: Có người khiến cho người nam chẳng phải cha mình, chẳng phải là A-la-hán xa lìa mạng căn thì có phạm vào tội vô gián hay không? Tất nhiên là có phạm vào tội vô gián vì đó là mẹ chuyển hình. Còn như đoạt mạng căn của người nữ chẳng phải mẹ mình, chẳng phải

là A-la-hán thì có phạm vào tội vô gián hay không? Tất nhiên là có vì đó là cha chuyển hình.

Giả sử có người nữ bị sẩy thai, người nữ khác lấy bào thai đó đặt vào cửa sinh của mình rồi sinh được, đứa con này giết người mẹ sau thì đâu có thành tội nghịch giết mẹ. Vì huyết thống người con kia căn bản là do người mẹ trước. Còn các việc tạo tác khác là do người mẹ sau tức là người đã nuôi dưỡng trưởng thành.

Đối với cha mẹ khởi lên hành động giết mà ngộ sát người khác thì không phạm tội vô gián. Nếu đối với người chẳng phải cha mẹ khởi lên hành động giết nhưng lại giết lầm cha mẹ cũng không phạm vào tội nghịch. Như con dùng cây gậy đánh con muỗi đốt trên trán mẹ khi mẹ mình đang nằm ngủ trên giường nhưng vô tình giết chết mẹ thì điều này là vì cái khác mà giết nên không phạm tội vô gián hay ngộ nghịch. Nếu khởi lên hành động sát hại mẹ và người khác thì hai tình huống này không phải biểu thị sự sống mà là phạm phải tội nghịch. Nghiệp vô gián có thể lực rất mạnh mẽ, cho nên Tôn giả Diệu Âm nói: “Có hai loại biểu nghiệp. Chữ biểu là do sự tích tập cực vi mà thành tựu”. Nếu giết A-la-hán mà tưởng là không phải A-la-hán nhưng đem tâm quyết định giết thì không cần phải gián biệt mà là phạm tội nghịch. Nếu giết cha mà cha là bậc A-la-hán thì phạm một tội nghịch, vì chỉ có ý giết cha mà thôi. Nếu giả dụ nói như vậy: “Thế nào gọi là thông suốt?”. Phật bảo Thủy-khiêm-trì: “Ông đã tạo nên hai tội nghịch tức là giết cha và giết bậc A-la-hán”. Như vậy, điều ấy chỉ rõ một tội nghịch do hai duyên mà thành tựu hoặc dùng hai nguyên nhân này mà trách mắng tội người kia. Nếu tâm ác làm cho thân Phật chảy máu thì nhất định phạm tội vô gián. Nếu đem tâm cố ý giết Phật mới thành tội nghịch còn như vô tâm gây tổn thương khiến thân Phật chảy máu thì không thể gọi là tội vô gián. Nếu khi khởi hành động giết một người chẳng phải là A-la-hán nhưng khi gần chết người ấy đắc quả A-la-hán thì người dùng hành động giết kia có mắc tội nghịch không? Không. Vì đối với bậc Vô học, người kia không có khởi hành động chém giết. Nếu tạo nên hạnh nghiệp vô gián không thể sửa đổi thì có được lìa nhiễm ô và đắc Thánh quả không?

Tụng đáp: (Âm Hán)

*Tạo nghịch định gia hạnh  
Vô ly nhiễm đắc giả.*

Dịch nghĩa:

*Tạo hành động nghịch tội  
Không lìa nhiễm đắc quả.*

(Tạo tội nghịch định gia hạnh không lia nhiễm, đắc quả)

**Luận:** Nếu hạnh nghiệp vô gián đã tất yếu hình thành thì trong thời gian đó quyết định sẽ không thể lia nhiễm ô và đắc Thánh quả, còn các nghiệp ác khác trong thời gian gia hạnh, nếu Thánh đạo phát sinh thì nghiệp đạo không khởi. Do có sự khác biệt nên hai điều này nhất định trái ngược nhau. Trong tất cả các hành động ác đưa đến nghiệp vô gián thì tội nào nặng nhất? Trong tất cả các hành động tốt đẹp đưa đến nghiệp thiện ở đời thì quả nào lớn nhất?

Tụng đáp: (Âm Hán)

*Phá tăng hư cuống ngữ  
Ư tội trung tối đại  
Cảm đệ nhất hữu tư  
Thế thiện trung đại quả.*

Dịch nghĩa:

*Việc nói dối phá Tăng  
Là phạm tội nặng nhất  
Cảm tư “đệ nhất hữu”  
Quả thiện lớn trong đời.*

(Việc nói dối phá hòa hợp Tăng là tội rất nặng. Chiêu cảm quả dị thực tứ đệ nhất hữu, đó là quả thiện lớn trong đời.)

**Luận:** Tuy người đã hiểu rõ pháp và phi pháp, nhưng vì muốn phá Tăng mà phát sinh nói dối nên sự điên đảo khởi lên rõ ràng. Trong các tội vô gián tội này là nặng nhất. Tội này có thể làm hủy hoại pháp thân của Phật, gây chướng ngại cho sự sống ở đời, ngăn cản sinh lên cõi trời và chướng duyên cho Thánh đạo. Điều này muốn nói lên Tăng đã bị phá cho đến không hòa hợp. Tất cả người sống trong thế gian nếu muốn nhập vào dòng Thánh chứng đắc đạo quả, lia nhiễm ô, đạt được trí lậu tận mà phạm tội này thì đều bị nó ngăn cản. Thậm chí ngay cả việc tu tập thiền định, tụng đọc kinh điển, tư duy v.v... đều không thể thực hiện được nếu vướng phải tội này. Trong đại thiên thế giới bánh xe pháp không thể chuyển vận khiến cho trời, người, rồng v.v... thân tâm ưu não, tán loạn. Cho nên phạm tội này tất phải chiêu cảm quả báo vô gián trong một kiếp. Do vậy, tội phá Tăng này là rất nặng. Các tội vô gián khác lần lượt theo đó mà giảm nhẹ dần dần như tội thứ năm, thứ ba, thứ nhất. Tội vô gián thứ hai rất nhẹ trong các tội vô gián khác vì ân v.v... giảm thiểu. Nếu vậy, trong hình phạt của ba nghiệp thế nào? Đức Phật dạy: “Ý nghiệp là tội rất nặng”. Và lại nói trong các tội “tà kiến” là tội nặng nhất. Tuy nhiên, căn cứ vào năm tội vô gián thì nói “phá Tăng” là

tội nặng nhất. Nếu dựa vào ba nghiệp thì nói ý là tội rất nặng. Dưới cái nhìn của năm thứ quan điểm hẹp hòi thì cho tà kiến là tội nặng. Hoặc căn cứ vào đại quả báo thì nói sát hại nhiều mạng sống của loài hữu tình, đoạn tuyệt các thiện căn là tội nặng.

Chiêu cảm quả dị thực tư “đệ nhất hữu” đối với trong thế gian là quả thiện tối thắng. Trải qua tám vạn đại kiếp chiêu cảm quả dị thực vô cùng tĩnh lặng. Giới hạn quả dị thực cho nên mới nói lên lời này. Căn cứ vào quả “ly hệ” thì kim cương dụ cho “định” tương ứng với “tư” có thể dẫn đến việc chứng đạt quả vị Chánh giác. Các kết vĩnh viễn đoạn thì chứng được quả này. Vì ở đây, do giản lược nên nói là quả thiện của thế gian. Nên biết, phạm tội vô gián nhất định phải đọa vào địa ngục. Các tội đồng loại với vô gián cũng sinh vào chốn ấy. Lại có sự khác nói chẳng phải tội vô gián sinh vào địa ngục. Vậy đồng loại là thế nào?

Tụng đáp: (Âm Hán)

*Ô mẫu Vô học ni  
Sát trụ định Bồ tát  
Cập hữu học Thánh giả  
Đoạt Tăng hòa hợp duyên  
Phá hoại Tốt-đổ-ba  
Thị vô gián đồng loại.*

Dịch nghĩa:

*Làm việc nhiễm ô mẹ  
Ni và bậc Vô học  
Giết Bồ-tát trụ định  
Và bậc Thánh Hữu học  
Phá duyên hòa hợp Tăng  
Phá hoại Tốt đổ ba  
Là đồng loại vô gián.*

(Làm việc ô nhiễm với mẹ, bậc Vô học, ni, giết Bồ tát trụ định, bậc thánh Hữu học, phá hòa hợp Tăng, phá tháp đều đồng với tội Vô gián.)

**Luận:** Năm loại tội như vậy, tùy theo thứ tự của chúng gọi là nghiệp đồng loại với năm tội vô gián. Nghĩa là đối với mẹ mình, A-la-hán, Ni mà có hành động gây nhiễm ô phi phạm hạnh, hoặc giết bậc Bồ-tát trụ định, hoặc giết bậc Thánh Hữu học, hoặc cắt đứt duyên hòa hợp Tăng, hoặc phá hoại Tốt-đổ-ba. Những tội này được xem là đồng loại với năm tội nghịch nên chiêu cảm nghiệp dị thực trong ba thời, trở thành chướng ngại rất lớn đối với Thánh đạo. Nói ba thời nghĩa là thế



nào?

Tụng đáp: (Âm Hán)

*Tương đắc nhĩn Bất hoàn  
Vô học nghiệp vi chương.*

Dịch nghĩa:

*Làm cho nhĩn Bất hoàn  
Nghiệp Vô học chương ngại.*

(Làm chương ngại nhĩn bất hoàn và nghiệp Vô học.)

**Luận:** Nếu theo “Đánh vị” thì khi chứng được “Nhĩn vị” tất nhiên nghiệp trong cõi ác được giảm thiểu. Tuy nhiên, nghiệp ngũ nghịch là một chương ngại rất lớn cho việc chứng đắc “nhĩn vị”. Vì chứng đắc “nhĩn” là vượt thoát khỏi “địa dị thực” kia. Tương tự giống như người bỏ đất nước của mình ra đi tất tất cả chủ nợ (trái chủ) (trái chủ) nên chương nạn lớn đối với mình. Nếu muốn chứng được quả vị Bất hoàn thì nghiệp trói buộc trong cõi Dục là một chương nạn rất lớn. Chỉ trừ người tùy thuận hiện pháp mà thọ lãnh nghiệp. Nếu sắp chứng được quả Vô học thì nghiệp ở cõi Sắc, Vô sắc đều là chương ngại rất lớn, trừ người vì tùy thuận thị hiện. Theo như trên thì bậc Bồ-tát trụ định căn cứ vào địa vị nào mà gọi là được trụ định? Lại nữa, vị ấy an trú trong định nào?

Tụng đáp: (Âm Hán)

*Tòng tu diệu tướng nghiệp  
Bồ tát đắc định danh Sanh  
thiện thú quý gia  
Cụ nam niệm kiên cố.*

Dịch nghĩa :

*Do tu nghiệp “diệu tướng”  
Gọi Bồ-tát được định  
Sinh nhà giàu, cõi thiện  
Tướng nam, niệm kiên cố.*

(Do tu nghiệp mà được các tướng tốt gọi là Bồ tát được định, thường sinh vào cõi thiện, thân nam, nhà giàu có và giữ được niệm kiên cố).

**Luận:** Do thường tu tập mà có thể chiêu cảm nghiệp quả dị thực của ba mươi hai tướng tốt của bậc đại trượng phu, Bồ-tát mới chứng được gọi là trụ định. Từ đây cho đến khi thành Phật, Bồ-tát thường sinh vào cõi thiện và nhà giàu sang. Được sinh vào cõi thiện nghĩa là sinh vào cõi trời và cõi người. Do vì cõi này thường rất an lành nên gọi là cõi thiện. Nếu được sinh vào cõi thiện thì thường sống trong nhà giàu sang

quyền quý. Nghĩa là sinh vào nhà Bà-la-môn hoặc Sát-đế-lợi hay nhà trưởng giả rất giàu có hoặc nhà Đại Bà-la-môn.

Bồ-tát sinh vào nhà quyền quý, các căn đều đầy đủ không hủy khuyết. Sau đó, Bồ-tát ấy hoàn thiện các căn thù thắng tối diệu và thường thọ thân nam chứ không bao giờ mang thân người nữ, huống hồ là thọ thân muỗm mòng v.v... Bồ-tát dù trải qua nhiều kiếp sinh ra ở chỗ nào đều nhớ rõ mạng sống đời trước của mình. Và thường làm việc thiện không hề thoái chuyển. Nghĩa là Bồ-tát thường làm những việc có lợi ích cho chúng hữu tình và dù trải qua nhiều nỗi đau khổ bức bách thân nhưng Bồ-tát vẫn kham nhẫn được. Tuy có những hành động xấu ác của chúng sinh gây trái nghịch nhiễu loạn, nhưng tâm Bồ-tát kia không hề cảm thấy chán nản mỗi mệ. Như trong đời có hạng phục dịch không công. Phải biết lời nói này là nói về Bồ-tát kia. Do vì bậc Đại sĩ ấy đã tự mình thành tựu tất cả các công đức trọn vẹn thù thắng và tu tập hạnh đại bi bền vững nên thường tùy thuận đối với người khác. Vì thế, Bồ-tát luôn trải lòng thương tưởng đến tất cả các loại hữu tình và dùng tâm không kiêu mạn để thâu giữ họ. Bồ-tát thường xem mình như người nô bộc thường bị sai khiến cho nên đối với tất cả mọi sự việc khó mong cầu Bồ-tát đều luôn kham nhẫn được và đối với mọi việc khó nhọc lao khổ cũng đều có khả năng gánh vác. Tu nghiệp diệu tướng thật chất là thế nào?

Tụng đáp: (Âm Hán)

*Thiệm bộ nam đối Phật  
Phật tư tư sở thành  
Dư bách kiếp phươg tu  
Các bách phước nghiêm súc.*

Dịch nghĩa:

*Nam Thiệm bộ trước Phật  
Phật nghĩ, nghĩ chỗ thành  
Trăm kiếp khác mới tu  
Có trăm phước trang nghiêm.*

(Sinh thân nam ở cõi Nam Thiệm-bộ đối trước Phật tư duy mà thành tựu rồi trải qua tu hơn trăm kiếp có được trăm phước báo trang nghiêm).

**Luận:** Bồ-tát chủ yếu ở trong châu Thiệm-bộ mới tu dẫn nghiệp diệu tướng. Châu này có tuệ giác rất sáng suốt, thông lợi và chỉ có thân người nam chứ chẳng phải người nữ. Bấy giờ, đã vượt thoát khỏi thân người nữ v.v... nên chỉ đem thân người nam hiện ra trước Phật, duyên

với Đức Phật khởi tư duy thì tư duy liền thành tựu chứ chẳng phải loại “văn tự”, chỉ trải qua một trăm kiếp nữa để tu tập thành tựu chứ chẳng phải nhiều kiếp. Trong cái nhân tu của chư Phật, pháp thường là vậy. Chỉ có bậc Thích-ca Mâu-ni do tinh tấn tột bậc mới có khả năng siêu vượt chín kiếp, nghĩa là Đức Thích-ca chỉ tu trong chín mươi một kiếp là thành tựu nghiệp diệu tướng. Do vậy, Đức Phật bảo người chủ làng xóm: “Ta nhớ chín mươi một kiếp đến nay, không thấy một người nào nhân bố thí thức ăn cho ta mà bị tổn thương dù chỉ là tổn thương không đáng kể, ngược lại người ấy luôn hưởng được lợi ích lớn”. Nhờ vào tự tánh này nên thường nhớ rõ mạng sống của mình trong quá khứ. Cho nên chỉ nói chín mươi một kiếp.

Sư Túc Cự nói: “Bồ-tát từ lúc mới xuất sinh trải qua vô số kiếp đến nay xa lìa bốn lỗi lầm, được hai thứ công đức. Như trước đã trình bày, tất cả các diệu tướng trăm phước trang nghiêm.

Tất cả các lượng phước là những gì?

Có thuyết nói: Chỉ trừ phước lạc thân cận Phật và Bồ-tát, còn tất cả nghiệp quả tu phước lạc của tất cả loài hữu tình đều gọi là lượng phước.

Lại có thuyết nói: Khi thế giới sắp thành, tất cả hữu tình chiêu cảm sức tăng thượng nghiệp của cả đại thiên thế giới là lượng của một phước.

Lại có thuyết nói: Lượng này chỉ có Phật mới biết. Nay Đại sư của chúng xưa kia còn ở địa vị Bồ-tát đã trải qua ba vô số kiếp cúng dường bao nhiêu Đức Phật?

Tụng đáp: (Âm Hán)

*Ư tam vô số kiếp  
Các cúng dường thất vạn  
Hựu như thứ cúng dường  
Ngũ lục thất thiên Phật.*

Dịch nghĩa:

*Trong ba vô số kiếp  
Mỗi kiếp cúng bảy vạn  
Lại thứ tự cúng dường  
Năm, sáu, bảy ngàn Phật.*

(Trải qua ba số kiếp đều cúng dường bảy vạn Đức Phật, rồi thứ tự cúng dường năm, sáu, bảy ngàn Đức Phật).

**Luận:** Trong vô số kiếp ban đầu Đức Thích-ca đã cúng dường cho bảy vạn năm ngàn Đức Phật. Trong vô số kiếp kế tiếp lại cúng dường

bảy vạn sáu ngàn Đức Phật. Trong vô số kiếp sau cùng lại cúng dường cho bảy vạn bảy ngàn Đức Phật. Vậy, trong ba vô số kiếp, mọi thời đã tròn đầy, và lúc đầu mới phát tâm Đức Thích-ca đã gặp vị Phật nào?

Tụng đáp: (Âm Hán)

*Tam vô số kiếp mãn  
Nghịch thứ phùng Thắng Quán  
Nhiên Đăng, bảo kế Phật  
Sơ Thích ca - Mâu-ni.*

Dịch nghĩa:

*Đủ ba vô số kiếp  
Nghịch thứ gặp Thắng Quán  
Nhiên Đăng và Bảo Kế  
Sơ Thích-ca Mâu-ni.*

(Đủ ba vô số Kiếp rồi theo thứ tự ngược lại gặp Phật Thắng Quán, Phật Nhiên Đăng, Phật Bảo Kế. Đầu tiên là Thích-ca Mâu-ni).

**Luận:** Nói về nghịch thứ, tức là từ sau hướng đến trước. Nghĩa là mãn vô số kiếp thứ ba gặp Đức Phật hiệu là Thắng Quán, mãn kiếp thứ hai gặp Đức Phật hiệu là Nhiên Đăng, mãn kiếp thứ nhất gặp Đức Phật hiệu là Bảo Kế. Ngay từ lúc ban đầu đang ở địa vị mới phát tâm, gặp Đức Phật Thích-ca Mâu-ni. Nghĩa là Đức Thế Tôn của chúng ta xưa kia khi còn làm Bồ-tát, ban đầu đã gặp một vị Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni. Khi ấy, Ngài liền đối trước vị Phật này mà phát hạnh nguyện lớn: “Con nguyện sẽ thành Phật giống như Đức Thế Tôn ngày nay. Đức Phật kia cũng sẽ xuất hiện trong kiếp sau cùng. Sau khi Phật diệt độ, chánh pháp trụ ở đời một ngàn năm. Do vậy, Đức Như Lai ngày nay tất cả đều giống như Đức Phật kia. Đức Phật Thích Ca của chúng ta khi còn làm Bồ-tát thì ở trong địa vị nào? Ngài đã tu tập viên mãn pháp Ba-la-mật nào?”

Tụng đáp: (Âm Hán)

*Đản do bi phổ thí  
Bi chiết thân vô phần  
Tán tán để sa Phật  
Thứ vô thượng Bồ đề  
Lục Ba la mật-đa  
Ư như thế tứ vi  
Nhất nhị hựu nhất nhị  
Như thứ tu viên mãn.*

Dịch nghĩa :

*Do bi bố thí khắp  
Bị hủy thân không giận  
Tán thán Phật Đễ Sa  
Đến vô thượng Bồ-đề.  
Sáu pháp Ba-la-mật  
Với bốn vị như vậy  
Một, hai lại một, hai,  
Thứ tự tu viên mãn.*

(Do lòng từ bi Bố thí khắp tất cả dù bị hủy hoại thân thể cũng không giận. Ca ngợi Phật Đễ-sa, tu sáu pháp Ba-la-mật đến vô thượng Bồ đề. Với bốn vị như vậy theo thứ tự một, hai rồi một, hai tu cho đến viên mãn.)

**Luận:** Khi còn làm Bồ-tát, Đức Thích-ca có thể bố thí tất cả mọi thứ cho chúng sinh ngay cả tai, mắt, tủy não của mình. Với lòng từ bi, Đức Thích-ca xả bỏ tất cả không hối tiếc chứ chẳng phải bố thí để cầu được sự sống thù thắng sai biệt. Sở dĩ có được điều này là do đã tu tập thành tựu pháp Bố thí Ba-la-mật. Khi còn làm Bồ-tát, tuy chưa lìa hẳn khỏi tham dục, nhưng mặc dù bị người khác chặt đứt tứ chi và hủy hoại thân xác của mình, nhưng tâm cũng không hề có một chút tức giận. Sở dĩ được như vậy là vì đã tu tập viên mãn pháp Nhẫn nhục Ba-la-mật. Khi còn làm Bồ-tát, Đức Thích-ca đã dũng mãnh tinh tấn tu tập nên đã gặp được Đức Phật Đễ Sa đang ngồi an nhiên trên bảo tòa nhập định Hỏa giới với oai quang to lớn, sáng rực thật là phi thường. Lúc ấy, Đức Thích-ca thành thật phát thệ nguyện và quỳ gối sát đất trải qua bảy ngày bảy đêm không hề biết mỏi mệt. Và rồi với tâm thanh tịnh, dùng lời kệ vi diệu mà tán thán Đức Phật kia:

*Trời đất cõi này nhà đa văn  
Qua cung cõi trời, mười phương không  
Trượng phu, trâu chúa, Đại Sa-môn  
Tìm nơi núi rừng chẳng ai bằng.*

Sau khi tán thán như vậy, Đức Thích-ca liền siêu vượt chín kiếp. Sở dĩ có được như vậy là do đã tu tập viên mãn pháp tinh tấn Ba-la-mật. Hoặc có lúc làm Bồ-tát, đã ngồi tòa Kim cang sắp lên quả vị Bồ-đề Chánh đẳng Vô thượng. Kế đến, trước khi chứng đắc Vô Thượng Giác, Ngài an trú trong định kim cang dụ. Điều này tương đương với việc tu tập viên mãn định tuệ Ba-la-mật. Do có khả năng đi đến tự sở, an trú bờ kia viên đức, cho nên sáu pháp này được gọi Ba-la-mật.

Trong Khế kinh nói: “Có ba thứ phước nghiệp”.

1. Loại thí phước nghiệp sự
  2. Loại giới phước nghiệp sự
  3. Loại tu phước nghiệp sự.
- Tại sao có điều này được gọi là phước nghiệp sự?  
Tụng đáp: (Âm Hán)

*Thí giới tu tam loại  
Các tùy kỳ sở ứng  
Thọ phước nghiệp sự danh  
Sai biệt như nghiệp đạo.*

Dịch nghĩa :

*Ba loại: Thí, giới, tu  
Mỗi loại tùy cảm ứng  
Được gọi tên phước nghiệp  
Sai biệt như nghiệp đạo.*

(Ba loại thí, giới, tu cảm ứng tùy theo mỗi loại. Được gọi tên là phước nghiệp khác nhau như nghiệp đạo.)

**Luận:** Ba loại này đều là phước hoặc nghiệp, hoặc sự, tùy nơi cảm ứng của chúng. Như trong thuyết nghiệp đạo nói, nghĩa là như trong sự phân biệt về mười nghiệp đạo thì có nghiệp cũng chính là đạo, nhưng có đạo chẳng phải nghiệp. Cũng vậy, trong đây, có phước cũng là nghiệp cũng là sự, nhưng có lúc có phước nghiệp nhưng chẳng phải là sự, hoặc có phước sự nhưng chẳng phải là nghiệp, hoặc chỉ có phước chứ chẳng có sự và nghiệp. Hơn nữa, trong bố thí, hai nghiệp thân và lời nói đều có đầy đủ danh nghĩa của ba thứ phước, nghiệp, sự. Hai nghiệp ấy v.v... đều khởi lên “tư” chỉ được gọi là phước, nghiệp. “Tư” đều có pháp chỉ thọ lãnh tên “phước”. Trong loại giới chỉ cho hành của nghiệp thân và lời nói đều nhận đủ tên của phước, nghiệp, sự. Trong loại tu tập, “từ” chỉ gọi là “phước”, “sự”. Tức của nghiệp. “Từ” tương ứng với “tư” lấy “từ” làm cơ sở để tạo tác. “Từ” đều liên kết với tư giới nên gọi là “phước nghiệp”. Thứ khác đều có pháp chỉ thọ nhận tên “phước” hoặc tên phước, nghiệp hiển bày để tạo ra nghĩa của Phước. Nghĩa là theo gia hạnh của phước, sự lấy đó làm chỗ nương tựa. Điều này cũng có nghĩa thí, giới, tu là sự của phước, nghiệp. Do vì đã tạo nên ba thứ đó nên khởi lên gia hạnh của phước.

Lại có thuyết cho chỉ có “tư” là phước, nghiệp chân thật. Sự của phước, nghiệp gọi là thí, giới, tu. Vì lấy ba loại này làm cơ sở nên phước, nghiệp chuyển biến. Vậy pháp nào được gọi là “thí” và “bố thí” chiêu cảm quả báo nào?

Tụng đáp: (Âm Hán)

*Do thử xả danh thí  
Vi vi cúng vi ích  
Thân ngữ cập năng phát  
Thử chiếu đại phú lạc.*

Dịch nghĩa :

*Do xả này, gọi thí  
Cúng dường làm lợi ích  
Thân ngữ và phát tâm  
Nhận lấy quả phước lớn.*

(Do đó hạnh xả gọi là thí, là cúng dường làm lợi ích, thân, ngữ và sự phát tâm đều có thể làm hạnh xả và cảm quả phước lớn).

**Luận:** Tuy xả bỏ vật dụng gọi là bố thí nhưng đối với bài tụng này thì phải hoàn toàn xả bỏ mới gọi là bố thí. Nghĩa là phải biết cách xả bỏ vật không hề tham tiếc mới thành tựu bố thí. Sự bố thí hoặc do xả bỏ chân thật đúng nghĩa hoặc do sự tham cầu không sợ hãi v.v... hay xả bỏ sự việc. Tuy nhiên dù bất cứ bố thí ở hình thức nào cũng thành là bố thí. Nhưng đây chẳng phải là ý tưởng mà trong bản luận này trình bày. Do giản lược cho nên nói lời nói, lợi ích của sự cúng dường. Nghĩa là vì sự lợi ích của người khác mà mình xả bỏ mọi thứ. Sự xả bỏ hoàn toàn này gọi là bố thí. Sự xả bỏ hoàn toàn nghĩa là sao? Nghĩa là hai nghiệp thân và lời nói đều đồng điệu với sự phát tâm. Thường phát tâm nghĩa là gì? Nghĩa là không có tâm tham cầu nên khởi lên sự bố thí này. Như có bài tụng nói:

*Nếu người với tâm tịnh  
Xả bỏ mà bố thí  
Trong sát-na thiện này  
Gọi chung là bố thí.*

(Nếu người dùng tâm thanh tịnh bớt bỏ của mình mà bố thí. Trong giây phút thiện tâm đó đều gọi chung là bố thí.)

Nên biết, loại bố thí này chính là phước, nghiệp và sự, có thể trong hiện tại chiêu cảm một thứ quả báo với tiền tài giàu sang phú quý.

Nói đến phước của việc bố thí thì làm sáng tỏ ý nghĩa bên trong của sự bố thí, như là bỏ lá cây, cỏ rác, đồ dùng bằng đất v.v...

Nói đến tu giới thì y cứ theo đây mà giải thích. Vì có lợi ích gì mà hành bố thí?

Tụng đáp: (Âm Hán) :

*Vi ích tự tha cầu*

*Bất vi nhị hành thí.*

Dịch nghĩa :

*Vì lợi mình lợi người*

*Không vì hai mà thí.*

(Bố thí có loại lợi ích cho mình, hoặc cho người, hoặc có loại bố thí không vì hai loại ích đó).

**Luận:** Trong đây, nói tất cả chúng sinh chưa lìa khỏi tham dục và lìa tham dục giữ lấy sở hữu của mình đem cúng dường tháp thì loại thí này chỉ đem lại lợi ích cho mình chứ chẳng phải mong đến lợi ích cho người khác. Do vậy, chỉ có bản thân mình được lợi ích. Nếu các bậc Thánh đã lìa khỏi tham dục và bố thí cho các loài hữu tình trừ trường hợp tùy thuận để thọ nhận thì loại thí này được gọi là lợi tha. Sở dĩ được gọi là lợi tha là vì loại bố thí này luôn đem lại lợi ích cho người khác chứ chẳng phải tự lợi, siêu vượt lên trên lãnh vực báo đáp. Nếu tất cả những người kia chưa lìa khỏi tham dục và xa lánh tham dục mà tự đem sở hữu của mình bố thí cho các loài hữu tình thì sự bố thí này được xem là cả hai đều có lợi ích. Nếu những người kia là những bậc Thánh giả đã lìa khỏi tham dục mà cúng dường tháp trừ trường hợp tùy thuận thọ dụng thì sự bố thí này gọi là không vì lợi ích cho cả hai. Vì sao vậy? Vì loại bố thí này chỉ là sự cung kính báo ân.

Trước đây, đã nói rõ sự bố thí chiêu cảm phước quả lớn. Nay sẽ luận bàn về sự sai biệt giữa quả và nhân của sự bố thí.

Tụng nói: (Âm Hán)

*Do chủ tài điền dị*

*Cố thí quả sai biệt.*

Dịch nghĩa:

*Do ruộng tài chủ khác*

*Nên quả thí sai biệt.*

(Do người tài chủ, ruộng, sự sai biệt khác nhau. Nhân thí sai biệt quả thí cũng sai biệt.)

**Luận:** Bố thí có sự sai biệt là do ba loại nhân bố thí. Nghĩa là ruộng tài vật của người chủ có sự sai biệt, do sự bố thí có sự sai biệt nên quả báo cũng có sai khác. Do sự sai biệt của người hành bố thí là sao?

Tụng đáp: (Âm Hán)

*Chủ dị do tín đẳng*

*Hành kính trong đẳng thí*

*Đặc tôn trọng quảng ái*

*Ứng thời nan đoạt quả.*



Dịch nghĩa :

*Chủ khác do tin tưởng v.v...  
Kính trọng hành bố thí v.v...  
Được tôn kính yêu mến  
Đúng thời khó mất quả.*

(Chủ, sai khác là do tín. Hành bố thí kính trọng thí được tôn kính yêu mến đúng lúc không bị mất quả.)

**Luận:** Do vì thí chủ có công đức sai biệt về tâm thành tín nghe giới v.v... nên nói là sự khác biệt về thí chủ. Do sự khác biệt về thí chủ nên sự bố thí trở nên sai biệt. Do sự bố thí sai biệt nên kết quả cũng trở thành khác biệt. Vì vậy, các thí chủ đều có đức tương ứng như thế. Nếu có thể như pháp mà cung kính thực hành bốn pháp thí thì cũng thứ tự mà được bốn quả tôn trọng v.v... nghĩa là nếu thí chủ với tâm kính trọng mà thực hiện việc bố thí thì liền được người khác tôn trọng. Nếu tự tay đem tài vật bố thí thì có thể thọ dụng quả báo với tiền tài, sự yêu mến và niềm vui vô hạn đúng thời mà hành bố thí thì cũng chiêu cảm quả báo với tài vật thích hợp. Bố thí đúng thời không có nghĩa là ở quá khứ, tức không hợp lẽ ngay thời điểm cần thiết. Nếu bố thí không gây tổn hại cho ai thì liền chiêu cảm quả báo đối với tài sản của mình không bao giờ bị người khác xâm hại đến hoặc nạn hỏa hoạn gây thiệt hại v.v... Do chỗ bố thí tiền tài có sai biệt là thế nào?

Tụng đáp: (Âm Hán)

*Tài di do sắc đẳng  
Đắc diệu sắc hữu danh  
Chúng ái nhụ nhuễn thân  
Hữu tùy thời lạc xúc.*

Dịch nghĩa:

*Tài khác do có sắc v.v...  
Được sắc đẹp tên tốt  
Chúng yêu, thân mềm mại  
Có tùy thời xúc, lạc.*

(Của cải hay sự sai biệt là do sắc v.v... Được tiếng tốt là sắc đẹp, được chúng yêu thích là thân uyển chuyển. Có lúc phát sinh cảm thụ vui chạm xúc.)

**Luận:** Do vì sự bố thí hoặc thiếu hoặc đầy đủ sắc, hương, vị, xúc nên cứ thế mà thứ tự đạt được kết quả hoặc thiếu hoặc đầy đủ sắc vi diệu v.v... Nghĩa là nếu bố thí đầy đủ tài sắc thì đạt được kết quả với sắc đẹp vi diệu. Nếu bố thí đầy đủ hương thì được kết quả với danh thơm

tiếng tốt, như mùi hương thơm ngào ngạt lan tỏa khắp mười phương. Nếu bố thí đầy đủ “vị” thì được mọi người yêu mến, như vị ngon tuyệt hảo thường được mọi người yêu thích. Nếu bố thí đầy đủ “xúc” thì được quả báo với thân hình mềm mại và tùy thời mà phát sinh sự xúc chạm êm ái như thân vàng ngọc của người nữ v.v... Nếu quả có sự giảm sút là do nhân thiếu sót. Cũng vậy, do có đủ sắc hương v.v... cho nên gọi là tài vật khác. Do sự khác biệt về tài vật cho nên thể và quả của sự bố thí đều có sai khác. Do ruộng thí sai biệt là thế nào?

Tụng đáp: (Âm Hán)

*Diễn di do thú khổ  
Ân đức hữu sai biệt.*

Dịch nghĩa:

*Khác ruộng do cõi khổ  
Ân đức có sai biệt.*

(Sự sai khác hay ruộng đất do cõi khổ. Vì vậy mà ân đức có sai khác nhau.)

**Luận:** Do ruộng bố thí, cõi, khổ, ân đức mỗi thứ có sai biệt nên gọi là ruộng khác. Do sự khác biệt của ruộng thí cho nên quả bố thí cũng có sai biệt. Do cõi sai biệt nghĩa là như Đức Thế Tôn nói: “Nếu bố thí cho bàng sinh thì thọ nhận quả báo tốt gấp trăm lần. Nếu bố thí cho người phạm giới thì thọ nhận quả báo tốt gấp ngàn lần”. Do “khổ khác biệt” nghĩa là như trong bảy cõi nương tựa vào phước, nghiệp và sự, trước tiên nói đến bố thí vật thực cho kẻ hành khát, người nuôi bệnh, kẻ sống trong rừng núi và tùy thời cung cấp thực phẩm v.v... khi họ bị cảm nóng, cảm gió và cảm lạnh.

Lại nói nếu có các thiện nam tín nữ tin theo thuyết này mà đem tài vật v.v... bố thí cho bậc “Bất hoàn” nương tựa vào phước, nghiệp, sự thì đạt được phước đức không thể nắm bắt và đo lường được. Do “ân sai biệt” nghĩa là như cha mẹ, ân sư và những người khác có ân với mình. Như con hươu vô cùng gan dạ-mà trong kinh Bản sinh đã nói. Kinh Bản sinh nói: “Tất cả các cõi đều có các loại ân”. Do “đức riêng biệt” nghĩa là như Khế kinh nói: Nếu bố thí cho người trì giới thì thọ nhận được quả báo tốt đẹp gấp vạn vạn lần v.v... Vậy đối với các phước bố thí thì bố thí cho người nào mới được phước hơn hết?

Tụng đáp: (Âm Hán)

*Thoát ư thắng Bồ tát,  
Đệ bát thí tối thắng.*

Dịch nghĩa:

*Thí Bồ-tát giải thoát  
Thứ tám là tối thắng.*

(Người giải thoát Bồ thí cho Bồ tát và Bồ thí thứ tám là hơn cả.)

**Luận:** Bạc-già-phạm nói: “Nếu người ly nhiễm bố thí của cải cho người ly nhiễm thì trong việc bố thí tài vật, sự bố thí này rất là tối thắng. Nếu các Bồ-tát hành bố thí thì đó là nhân lợi lạc cho tất cả hữu tình. Tuy không gọi đây là bố thí sự giải thoát nhưng đối với việc giải thoát bố thí phước cũng rất là tối thắng. Trừ hai loại thí trên, ở trong tám loại bố thí thì loại bố thí thứ tám cũng được xem là rất tối thắng. Tám loại bố thí ấy là gì?”

1. Bố thí cho người gần gũi mình.

2. Do sợ hãi mà bố thí.

3. Bố thí vì báo ân.

4. Bố thí cầu báo đáp.

5. Bố thí theo thói quen trước.

6. Bố thí với hy vọng sinh lên cõi trời.

7. Bố thí để cầu danh.

8. Bố thí để trang nghiêm tâm, để trợ giúp cho Du-già để đắc thượng nghĩa.

Bố thí cho người đến gần gũi mình, nghĩa là như luận sư Túc Cựu nói: “Tùy thời những người đi đến gần mình mới đem tài vật ra bố thí”. Vì sợ hãi mà bố thí, nghĩa là thấy được tướng hoại diệt của tài vật hiện ra nên mới đem bố thí chứ không vứt bỏ. Theo thói quen trước mà bố thí nghĩa là học tập theo gia pháp của người đi trước như ông nội chẳng hạn mà thực hành tuệ thí. Các cách bố thí khác vì dễ hiểu nên ở đây không cần phải giải thích. Như Khế kinh nói: “Bố thí cho bậc hượng đến quả Dự lưu thì quả báo ấy thật vô lượng. Nếu bố thí cho bậc đã chứng quả Dự lưu thì quả báo ấy càng tăng thêm. Cho đến nói rộng... Có phải bố thí cho người chưa chứng quả Thánh thì cũng được phước vô lượng chăng?”

Tụng đáp: (Âm Hán)

*Phụ mẫu bệnh Pháp sư*

*Tối hậu sinh Bồ tát*

*Thuyết phi chứng Thánh giả*

*Thì quả diệc vô lượng.*

Dịch nghĩa:

*Cha mẹ bệnh, pháp sư*

*Thân sau cùng Bồ-tát*

*Chẳng phải chứng bậc Thánh  
Quả thí cũng vô lượng.*

(Bố thí cho cha mẹ, người bệnh, pháp sư, Bồ tát thân sau cùng và người chưa chứng thánh quả, công đức Bố thí cũng vô lượng.)

**Luận:** Năm hạng người như vậy được xem là hạng phàm phu. Nhưng nếu bố thí cho họ thì có thể cũng chiêu cảm quả vô lượng. An trú ở cõi sau cùng cũng có nghĩa là sự sống sau chót. Trong bốn ruộng phước của pháp sư thì ruộng phước nào cần được thâm giữ? Ruộng cần thâm giữ đó chính là ruộng ân đức. Vì sao? Vì các bậc đại thiện hữu ở thế gian hay đem mắt tuệ bố thí cho những người bị vô minh che lấp tâm trí, chỉ rõ mọi sự việc an nguy của thế gian khiến cho chúng hữu tình sinh khởi pháp thân vô lậu. Người đem pháp yếu giảng thuyết chính là vị pháp sư khéo thuyết giảng Phật pháp cho đến người hoàn tất các công tác Phật sự. Đối với hạng người này, nếu ái đem tài vật v.v... bố thí thì sẽ đạt được quả báo vô lượng. Muốn biết tướng của các nghiệp nhẹ hay nặng thì phải biết sáu nhân đưa đến nghiệp nhẹ hay nặng. Sáu nhân ấy là gì?

Tụng đáp: (Âm Hán)

*Hậu khởi điền, căn bản  
Gia hạnh tư ý lạc  
Do thử hạ thượng cố  
Nghiệp thành hạ thượng phẩm.*

Dịch nghĩa:

*Khởi sau, ruộng, căn bản  
Tư, gia hạnh, ý vui  
Do đó có dưới trên  
Nghiệp phẩm cũng dưới trên.*

(Khởi sau, ruộng, căn bản tư, gia hạnh, ý vui do có thứ bậc dưới trên nên nghiệp phẩm tạo thành cũng có dưới trên.)

**Luận:** “Khởi sau” nghĩa là nghiệp đã hình thành tùy thuận mà tạo tác. “Ruộng” nghĩa là đối với người kia tạo nên hành động gây tổn hại hay lợi ích. “Căn bản” nghĩa là nghiệp đạo căn bản. “Gia hạnh” tức là điều dẫn đến nghiệp thân miệng kia. “Tư” nghĩa là đạo nghiệp cứu cánh ấy. “Ý vui” nghĩa là sự sở hữu ưa thích của lãnh vực ý thức. Như nói “Ta nên tạo tác như thế, như thế. Ta nên tạo tác như thế, như thế”. Hoặc có các nghiệp chỉ do về sau khởi lên sự thâm nhận cho nên trở thành “phẩm nặng” mà quyết định kiến lập quả “dị thực” ấy. Hoặc có các nghiệp do ruộng gieo phước mà trở thành nặng. Hoặc có các nghiệp

đối với ruộng gieo trồng phước do có năng lực căn bản nên trở thành “nặng” chứ chẳng phải do điều gì khác. Như đối với cha mẹ mà đem hành động sát hại thì phạm phải tội nặng chứ không phải là nghiệp trộm cắp v.v... hay do điều gì khác mà trở nên bị tội nặng. Những điều như thế nên phải suy nghĩ kỹ lưỡng.

Nếu có sáu nhân hợp lại thành thì đều là thuộc “thượng phẩm”. Nghiệp này rất nặng lại cũng rất nhẹ. Nếu trừ nghiệp này ra, phần trung gian chẳng phải nặng mà cũng chẳng phải nhẹ. Như Khế kinh nói “có hai loại nghiệp”.

1. Nghiệp tạo tác
2. Nghiệp tăng trưởng.

Vậy, vì nhân gì nói là nghiệp tăng trưởng? Do năm loại nhân hình thành. Năm nhân ấy thế nào?

Tụng đáp: (Âm Hán)

*Do thắm tư viên mãn  
Vô ác tác đối trị  
Hữu bạn dị thực cố  
Thử nghiệp danh tăng trưởng.*

Dịch nghĩa:

*Do thắm, tư tròn đầy  
Không đối trị làm ác  
Có bạn dị thực khác  
Nghiệp này gọi tăng trưởng.*

(Do đầy đủ thắm tư, không đối trị ác tác, có quả dị thực đi theo nên gọi nghiệp này là tăng trưởng).

**Luận:** Do “thắm, tư” nghĩa là nghiệp của người kia đã tạo, chẳng phải trước đó hoàn toàn không có suy nghĩ, chẳng phải do sơ suất trong suy nghĩ mà tạo nên. Do “tròn đầy” nghĩa là trong các loài hữu tình hoặc do một hành động ác mà đọa vào cõi ác. Tuy nhiên, khi chưa viên mãn thì chỉ gọi là nghiệp tạo tác, chứ không phải là nghiệp tăng trưởng. Nếu nghiệp này đã viên mãn thì gọi là nghiệp tăng trưởng. Do không đối trị làm ác nghĩa là không có hối cải hay không có phương pháp đối trị nghiệp. Do có bạn nghĩa là tạo nghiệp bất thiện. Nghiệp bất thiện chính là người bạn hỗ trợ đắc lực cho nó. Do có quả “dị thực” nghĩa là quyết định đưa đến quả “dị thực” trái với nghiệp thiện. Ở đây nên biết các nghiệp thuộc quả “dị thực” chỉ được gọi là nghiệp tạo tác. Như trước đã nói rõ nếu đối với người chưa lìa dục mà đem vật sở hữu của mình ra để bố thí thì sự bố thí này chỉ có nghĩa là tự lợi. Vậy đã không

có người thọ nhận thì phước ấy làm sao thành?

Tụng đáp: (Âm Hán)

*Chế đa xả loại phước*

*Như từ đẳng vô thọ.*

Dịch nghĩa:

*Loại phước: xả...Chế đa*

*Như từ v.v... và không thọ.*

(Hạn chế nhiều thì được phước “Xả”. Tu tâm “từ”... không phải là phước “thụ”.)

**Luận:** Có hai loại phước:

1. Xả.

2. Thọ nhận.

Loại phước xả, nghĩa là do tâm thiện mà xả bỏ tài vật của mình nên phước của sự bố thí bèn phát khởi. Loại phước thọ nhận nghĩa là do ruộng bố thí mà thọ dụng tài vật nên phước của sự bố thí phát khởi. Đối với việc cúng dường nơi tháp tuy không thuộc loại thọ nhận nhưng cũng thuộc loại xả thí. Vậy người kia không nhận thì phước do đâu sinh? Lại do nhân gì mà biết? Phước sinh chủ yếu là do người kia thọ nhận, không thọ nhận thì không thu hoạch được lợi ích. Điều này chẳng phải là bằng chứng quyết định. Nếu phước chủ yếu do đem lại lợi ích cho người khác mà thành tựu thì việc tu từ bi v.v... chánh kiến v.v... lẽ ra không sinh phước! Vì vậy nên đem tài vật cúng dường tháp thì có được nhiều phước! Như tu từ bi v.v... nghĩa là nếu có một người nào đó tu tập từ bi, thiền định v.v... tuy không có người nhân thọ và đem lại lợi ích cho người khác nhưng tự tâm người ấy vẫn phát khởi vô lượng phước. Như vậy, người có đức tuy đã qua đời quá khứ nhưng ta vẫn nhớ tưởng bày tỏ tôn kính cúng dường thì phước tự tâm phát sinh đâu không luống uổng. Việc làm cung kính bố thí này, nếu không như vậy mới là hơn hẳn. Cũng như có một người muốn giết kẻ oán gia. Mạng sống của người kia tuy đã chết nhưng vẫn ôm tư tưởng oán thù, phát khởi hành động gây nghiệp ác về thân, khẩu nên mới tạo ra nhiều điều phi phước chứ chẳng phải chỉ khởi tâm. Cũng vậy, bậc Đại sư tuy đã ở trong quá khứ, nhưng vẫn nhớ tưởng bày tỏ sự cung kính cúng dường, khởi thân, khẩu nghiệp mới phát sinh nhiều phước chứ chẳng phải chỉ khởi tâm. Nếu đối với ruộng thiện mà gieo trồng loại nghiệp bố thí thì chiêu cảm quả báo tốt đẹp. Nếu đối với ruộng xấu tuy có gieo trồng nghiệp bố thí nhưng chỉ chuộc lấy quả không tốt đẹp. Điều này không phải như vậy. Vì sao thế?

Tụng đáp: (Âm Hán)

*Ác điền hữu ái quả  
Chủng quả vô đảo cố.*

Dịch nghĩa:

*Ruộng xấu có quả tốt  
Giao quả không trái ngược.*

(Ruộng xấu nhưng có quả tốt là do gieo nhân tốt thì được quả tốt không đảo ngược).

**Luận:** Hiện tại chúng ta thấy ở trong ruộng mà gieo trồng quả thì không có đảo ngược. Như trồng Mạ độ ca thì được quả Mạ độ ca. Vị của nó rất ngon. Nếu trồng cây Nhãn sa thì được quả Nhãn sa. Vị của nó rất đắng. Như vậy, chẳng phải do năng lực của ruộng mà gieo trồng cây này lại cho ra quả khác. Cũng thế, tuy gieo trồng nhân bố thí vào ruộng ác nhưng lại có tâm làm lợi ích cho người khác thì sẽ được quả báo tốt đẹp chứ chẳng phải chiêu cảm quả xấu ác. Tuy nhiên, do sự sinh sôi của hạt giống ở quá khứ mà nay thu hoạch được quả nhỏ hay quả lớn. Trên đây đã trình bày rõ về phước, nghiệp, sự của loại bố thí. Nay, thứ tự bàn luận về phước, nghiệp, sự của loại giới.

Tụng nói: (Âm Hán)

*Ly phạm giới cập già  
Danh giới các hữu nhị  
Phi phạm giới nhân hoại  
Y trị uy tịnh đấng.*

Dịch nghĩa:

*Lìa phạm giới và ngăn  
Gọi giới có hai thứ  
Chẳng loại nhân phạm giới  
Nương thanh tịnh trị, diệt.*

(Giới có hai tên là ly tính và giá chỉ. Giới có công năng đối trị phạm giới và nhân phạm giới để được thanh tịnh).

**Luận:** Các thứ sắc bất thiện đều gọi là phạm giới. Trong đây, tánh tội lập tên phạm giới. “Già” nghĩa là ngăn cấm ăn không đúng thời v.v... Tuy đây chẳng phải là tánh tội nhưng nó cũng là sự hộ trì Phật pháp và đình chỉ ý tưởng sai biệt của loài hữu tình. Người đã thọ giới mà phạm giới cũng gọi là phạm giới. Ở đây chỉ trình bày sơ lược về tánh tội nên chỉ nói đến sự ngăn ngừa. Nếu xa lìa khỏi tự tánh và sự ngăn ngừa thì gọi là giới. Mỗi thứ giới này đều có hai loại. Nghĩa là “biểu” và “vô biểu” tức lấy thân, khẩu nghiệp làm tự tánh. Trên đây, đã trình bày sơ

lược về sự sai biệt của tự tánh giới. Nếu có đầy đủ bốn đức thì được gọi là thanh tịnh. Nếu trái ngược với tướng bốn đức ấy thì gọi là không thanh tịnh. Vậy bốn đức ấy là những gì?

1. Không hủy hoại giới pháp. Nghĩa là không phạm vào đối với các thứ sắc bất thiện.

2. Không đem nhân kia hủy hoại giới pháp. Nhân kia nghĩa là phiền não và tùy phiền não như tham v.v...

3. Nướng tựa vào pháp đối trị. Nghĩa là nướng vào việc trụ niệm v.v... điều này có thể đối trị được sự phạm giới và nhân kia.

4. Nướng vào sự tịch diệt. Nghĩa là nướng vào Niết-bàn và sự hồi hương về Niết-bàn chứ chẳng phải sự sống tốt đẹp khác. Lại có rất nhiều thuyết khác trình bày về điều này.

Có thuyết nói: Có sự thanh tịnh của giới là do có năm nhân tạo nên.

1. Căn bản tịnh.
2. Quyển thuộc thanh tịnh.
3. Không xâm hại.
4. Thâu nhận niệm.
5. Hồi hương Niết-bàn.

Lại có luận sư khác nói: Giới có bốn loại:

1. Vì sợ hãi mà thọ trì giới. Nghĩa là không tạo ra các hành động ác vì sợ hình phạt trong cõi ác nên mới thọ trì giới.

2. Giới hy vọng. Nghĩa là tham muốn được địa vị thắng diệu, tiền tài và được mọi người cung kính xưng tán nên mới thọ trì giới thanh tịnh.

3. Giới thuận với giác chi. Nghĩa là do mong cầu giải thoát và đạt được chánh kiến nên mới thọ trì thanh tịnh giới.

4. Giới thanh tịnh. Nghĩa là giới vô lậu tức người ấy thọ trì giới tâm vĩnh viễn xa lìa khỏi nghiệp hoặc cấu uế.

Trên đây, đã trình bày rõ về loại giới. Bây giờ sẽ biện luận về loại “tu”.

Tụng nói: (Âm Hán)

*Đẳng dẫn thiện danh tu  
Cực năng huân tâm cố.*

Dịch nghĩa:

*Đẳng dẫn thiện gọi tu  
Huân tập tâm mạnh nhất.*

(Đẳng dẫn thiện là thiền định. Gọi thiền định là tu vì có công năng



huân tập tâm.)

**Luận:** Nói thiền định thiện, thể của nó ra sao? Nghĩa là do tự tánh Tam-ma-địa vốn có. Ý nghĩa của việc tu như thế nào? Nghĩa là do tâm huân tập lấy định làm thiện rồi tâm tương tục có khả năng huân tập mạnh mẽ khiến trở thành loại “đức”. Như hoa tỏa hương ngào ngạt. Cho nên chỉ gọi là tu. Trước đây, đã trình bày rõ về phước của sự bố thí có khả năng chiêu cảm quả báo giàu sang. Nay nói về hai loại giới tu. Vậy hai loại này chiêu cảm quả báo ra sao?

Tụng đáp: (Âm Hán)

*Giới tu thắng như thứ  
Cảm sinh thiên giải thoát.*

Dịch nghĩa:

*Giới, tu rất thù thắng Quả  
sinh thiên, giải thoát.*

(Giới, tu theo thứ lớp được kết quả thù thắng như sinh về cõi trời hay giải thoát...)

**Luận:** Nếu trì giới thì chiêu cảm quả báo sinh lên cõi trời. Nếu tu tập thì sẽ được giải thoát. Nói đến chữ “thắng” tức là muốn nói rõ sự thành tựu rất thù thắng. Nghĩa là bố thí cũng có thể chiêu cảm quả báo sinh lên cõi trời và thành tựu sự thù thắng nên nói “giới”. Trì giới cũng có thể đạt được quả vị “ly hệ” (xa lìa trói buộc) và thành tựu sự thù thắng nên gọi là “tu”.

Trong kinh nói “có bốn hạng người có khả năng tạo phước sinh lên cõi trời Phạm thiên:

1. Người cúng dường tài vật để xây dựng bảo tháp của Như Lai ở những nơi chưa có.
2. Người cúng dường tài vật để thiết lập chùa cho bốn phương Tăng cư trú và tròn đầy bốn sự cúng dường.
3. Người có khả năng giàn xếp yên ổn sự bất hòa trong hàng đệ tử của Phật.
4. Người đối với chúng hữu tình thường đem lòng từ bi phổ biến rộng khắp.

Như vậy, phước ở cõi Phạm thiên, lượng ấy ra sao?

Tụng đáp: (Âm Hán)

*Câu kiếp sinh Thiên đẳng  
Vi nhất phạm phước lượng.*

Dịch nghĩa:

*Cảm một kiếp sinh thiên v.v...*

*Được một lượng phước tịnh.*

(Chiêu cảm một kiếp sinh lên cõi trời, hưởng được một lượng phước ở cõi ấy.)

**Luận:** Các luận sư mô phạm trước tạo ra thuyết như vậy: “Tùy phước đức mà có thể chiêu cảm quả báo một kiếp sinh lên cõi trời thọ nhận nhiều sự dục lạc. Đây là một lượng phước. Khi người kia chiêu cảm quả báo thọ nhận dục lạc thì đồng với tuổi thọ trong một kiếp của trời Phạm phụ. Đối với bộ khác thì có kệ nói:

*Người có tin chánh kiến*

*Tu tập mười thắng hạnh v.v...*

*Bèn sinh trời Phạm phước*

*Thọ kiếp vui cõi trời.*

(Người có lòng tin chân chính, tu tập mười thắng hạnh sẽ sinh lên cõi trời Phạm phước hưởng phước lạc một kiếp ở cõi ấy.)

Các luận sư Tỳ-bà-sa lại tạo ra thuyết như vậy: “Ở trong sự phân biệt về nghiệp “diệu tướng” đã biện luận về lượng phước, người này tức đồng với người kia. Tất cả mọi quan điểm biện luận đều nhằm trình bày rõ luận thuyết khác biệt như thế. Tài thí đã nói rõ ở trên còn pháp thí thì sao?

Tụng đáp: (Âm Hán)

*Pháp thí vị như thật*

*Vô nhiễm biện kinh đấng.*

Dịch nghĩa:

*Pháp thí là như thật*

*Biện giải kinh không nhiễm.*

(Pháp thí nghĩa là biện luận giải thích kinh đúng như thật không nhiễm trước.)

**Luận:** Nếu có thể như thật vì các loài hữu tình mà đem tâm vô nhiễm giảng giải Khế kinh khiến cho họ phát khởi sự giải thoát chân chánh thì gọi là pháp thí. Nếu người với tâm ô nhiễm điên đảo vì cầu lợi danh hay sự tán tụng cung kính mà biện giải kinh thì người này sẽ làm tổn hại đến phước lớn của mình và người khác. Trước đây đã giải thích rõ ba thứ phước, nghiệp, sự. Nay việc tùy thuận ba thứ phước thiện theo trong kinh nói.

Tụng nói: (Âm Hán)

*Thiện phước thuận giải thoát*

*Thuận quyết trạch phần tam*

*Cảm ái quả Niết bàn*

*Thánh đạo thiện như thứ.*

Dịch nghĩa:

*Thuận phước, thuận giải thoát  
Thuận quyết trạch là ba  
Được quả tốt Niết-bàn  
Thứ tự Thánh đạo thiện.*

(Thuận phước phần, thuận quyết trạch phần và thuận giải thoát phần cảm, được quả Niết bàn. Tu thánh đạo thiện theo thứ lớp như vậy.)

**Luận:** Nói thuận phước nghĩa là chiêu cảm quả báo tốt đẹp ở thế gian. Thuận giải thoát tức là có khả năng đạt được thiện quả Niết-bàn. Nếu quả thiện này sinh thì khiến cho trong tự thân hữu tình kia có pháp Niết-bàn. Hoặc nghe nói sinh tử có tội lỗi, các pháp vô ngã ở cõi Niết-bàn có đức thì lòng thân dựng đứng thống thiết đến rơi lệ thì nên biết người đó đã làm phát sinh hạt giống của phần thiện thuận giải thoát. Như thấy khi trời mưa, dưới đất có mầm mống nảy sinh thì biết rõ trong đất ấy trước tiên phải có hạt giống thuận quyết trạch nghĩa là có khả năng tiếp cận thiện quả Thánh đạo tức là như bốn loại sinh (noãn sinh, thai sinh, thấp sinh và hóa sinh). Điều này về sau sẽ nói rộng hơn. Như thế gian nói đến năm thứ thư, ấn, toán, văn, số. Vậy tự thể của năm loại này nên biết thế nào?

Tụng đáp: (Âm Hán)

*Chư như lý sở khởi  
Tam nghiệp tinh năng phát  
Như thứ vi thứ ấn  
Toán văn số tự thể.*

Dịch nghĩa:

*Chúng khởi theo như lý  
Ba nghiệp và năng phát  
Thứ tự làm tự thể  
Thứ ấn toán, văn, số.*

(Mọi sinh khởi đều đúng như lý. Ba nghiệp và năng phát theo thứ tự làm tự thể cho thư, ấn, toán, văn, số.)

**Luận:** Nếu theo như lý khởi tức là chánh gia hạnh phát sinh. Ba nghiệp nên biết chính là thân, khẩu và ý. Có khả năng phát khởi tức là có thể khởi lên ba nghiệp này. Rồi theo đây mà các pháp thọ, tưởng v.v... phát sinh. Trong đây, thư, ấn lấy nghiệp của thân trước và việc có khả năng phát sinh năm uẩn kia làm thể. Kế đến “toán” và “văn” lấy

nghiệp miệng trước và việc có khả năng phát sinh năm uẩn kia làm tự thể. Sau cùng, nên biết “số” lấy nghiệp ý trước và việc có khả năng làm phát bốn uẩn kia làm tự thể. Tuy nhiên, do ý tứ có khả năng thẩm tra “số” nên nay trình bày sơ lược về sai khác của các pháp.

Tụng nói: (Âm Hán)

*Thiện vô lậu danh diêu  
Nhiễm hữu tội phú liệt  
Thiện hữu vi ưng tập  
Giải thoát danh vô thượng.*

Dịch nghĩa:

*Vô lậu thiện là tốt  
Nhiễm có tội là xấu  
Thiện hữu vi nên tập  
Giải thoát là trên hết.*

(Thiện vô lậu là tốt, nhiễm ô có tội là mê mờ là xấu. Thiện hữu vi nên tu tập nhưng chỉ có giải thoát là trên hết).

**Luận:** Pháp thiện vô lậu cũng gọi là pháp vi diệu tốt đẹp. Các pháp nhiễm ô cũng gọi là có tội, có sự ngăn che và yếu kém. Chỉ có sự vi diệu và yếu kém này ở trong kinh luận khác đã nói rõ nên ở đây lời tụng không biện giải. Các pháp thiện hữu vi cũng gọi là nên tu tập. Những pháp khác không nên huân tập vì bốn nghĩa đã rõ ràng. Tại sao pháp vô vi không gọi là nên huân tập? Vì đối với pháp vô vi không thể tính toán, huân tập khiến được tăng trưởng. Lại nữa “tập” là quả nhưng pháp này không có quả. Giải thoát Niết-bàn cũng gọi là vô thượng, vì không có một pháp nào hơn Niết-bàn, vì nó là thiện, là thường siêu vượt lên trên các pháp. Còn các pháp khác có pháp hơn, ý nghĩa đã rõ ràng.

